

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU THÀNH
TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **228/2019/HNGĐ-ST**

Ngày: 22/4/2019

V/v tranh chấp: “*Ly hôn*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hồng Nhật

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Võ Văn Dũng

2. Bà Nguyễn Thị Mỹ Lệ

Thư ký phiên tòa: Ông Võ Trương Tấn Thành – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành tham gia phiên tòa: Ông Duy Ngọc Thái - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 4 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 817/2018/TLST-HNGĐ ngày 20/12/2018 về việc tranh chấp: “*Ly hôn*” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 27/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 15/3/2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: **Nguyễn Thị Bé T**, sinh năm 1982 (có mặt)

Địa chỉ: ấp K 2A, xã LĐ, huyện CT, Tiền Giang.

Tạm trú: ấp ĐB, xã ĐH, huyện CT, Tiền Giang.

2. Bị đơn: **Nguyễn Tuấn T**, sinh năm 1976 (vắng mặt)

Địa chỉ: ấp K 2A, xã LĐ, huyện CT, Tiền Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 12/12/2018 và các lời khai có trong hồ sơ vụ án, nguyên đơn là chị Nguyễn Thị Bé T trình bày:

Chị và anh Nguyễn Tuấn T chung sống với nhau vào năm 2003. Hai người có đăng ký kết hôn tại UBND xã LĐ, huyện CT, Tiền Giang vào ngày

9/6/2004. Sau khi kết hôn, thời gian đầu hai người chung sống hạnh phúc nhưng đến giữa năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống. Chị và anh T đã sống ly thân. Nay do tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị yêu cầu được ly hôn với anh T.

Về con chung: Có 2 con chung là Nguyễn Thị Thanh N, sinh ngày 12/8/2004 và Nguyễn Thanh L, sinh ngày 25/9/2008. Chị yêu cầu nuôi dưỡng cháu N và anh T nuôi dưỡng cháu L, không ai phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Yêu cầu tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

Bị đơn là anh Nguyễn Tuấn T đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ Thông báo về việc giải quyết vụ án nhưng không có ý kiến phản hồi gì.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện CT có ý kiến: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa đã chấp hành đúng quy định pháp luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã chấp hành đúng quyền, nghĩa vụ tố tụng. Bị đơn chưa chấp hành đúng quyền, nghĩa vụ tố tụng.

Về nội dung: Xét yêu cầu xin ly hôn của chị T là có căn cứ nên đề nghị chấp nhận. Về con chung: Đề nghị giao cháu N cho chị T nuôi dưỡng, giao cháu L cho anh T nuôi dưỡng, không ai phải cấp dưỡng nuôi con. Tài sản chung: Đương sự yêu cầu tự thỏa thuận. Nợ chung: Không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Theo đơn khởi kiện, chị Nguyễn Thị Bé T yêu cầu ly hôn với anh Nguyễn Tuấn T. Căn cứ vào yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử xác định đây là quan hệ pháp luật về tranh chấp “Ly hôn”.

Xét anh Nguyễn Tuấn T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt tại phiên tòa không lý do. Căn cứ vào khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt anh T tại phiên tòa.

[2] Về nội dung: Chị Nguyễn Thị Bé T và anh Nguyễn Tuấn T chung sống với nhau có đăng ký kết hôn tại UBND xã LĐ, huyện CT, Tiền Giang theo giấy chứng nhận kết hôn số 71/2004, quyền số 01 ngày 9/6/2004 là quan hệ hôn nhân hợp pháp.

Tại phiên tòa hôm nay, chị T vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện là xin được ly hôn với anh T, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống nên cuộc sống vợ

chồng không hạnh phúc. Theo biên bản xác minh ngày 16/01/2019 thể hiện là vợ chồng chị T và anh T thường xuyên xảy ra cự cãi, hai người hiện không còn chung sống với nhau. Xét chị T và anh T mỗi người đều đã có cuộc sống riêng, không còn sự quan tâm lẫn nhau. Qua đó, cho thấy mâu thuẫn giữa chị T và anh T đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị T.

[3] Về con chung: Chị T và anh T có 2 con chung là Nguyễn Thị Thanh N, sinh ngày 12/8/2004 và Nguyễn Thanh L, sinh ngày 25/9/2008. Chị T yêu cầu nuôi dưỡng cháu N, còn anh T nuôi dưỡng cháu L và không ai phải cấp dưỡng nuôi con.

Xét cháu N hiện đang sống cùng chị T, cháu L hiện đang sống cùng anh T. Căn cứ vào nguyện vọng và quyền lợi về mọi mặt của con chung, Hội đồng xét xử thấy cần thiết giao cháu N cho chị T tiếp tục nuôi dưỡng, giao cháu L cho anh T tiếp tục nuôi dưỡng và không ai phải cấp dưỡng nuôi con do không có yêu cầu.

[4] Về tài sản chung: Xét chị T yêu cầu tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[5] Về nợ chung: Chị T khai không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[6] Án phí sơ thẩm: Chị T phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định pháp luật.

[7] Xét đề nghị của Kiểm sát viên là có cơ sở nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 35, khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015.

Căn cứ vào các điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình 2014;

Căn cứ vào Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: 1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Bé T.

- Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Nguyễn Thị Bé T được ly hôn với anh Nguyễn Tuấn T.

- Về con chung: Chị Nguyễn Thị Bé T và anh Nguyễn Tuấn T có 2 con chung là Nguyễn Thị Thanh N, sinh ngày 12/8/2004 và Nguyễn Thanh L, sinh ngày 25/9/2008.

Giao cháu N cho chị T nuôi dưỡng cho đến khi trưởng thành.

Giao cháu L cho anh T nuôi dưỡng cho đến khi trưởng thành.

Chị T, anh T không phải cấp dưỡng nuôi con. Chị T, anh T có quyền tới lui thăm nom con chung, không ai được cản trở.

Thực hiện khi án có hiệu lực pháp luật.

- Về tài sản chung: Các đương sự tự thỏa thuận.

- Về nợ chung: Không có.

2. Án phí sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị Bé T phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm. Chị T đã nộp 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí sơ thẩm theo biên lai thu số 0009152 ngày 20/12/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện CT nên xem như nộp xong.

Đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tiền Giang
- VKSND huyện CT
- Chi cục THADS huyện CT
- UBND xã LD
- Các đương sự
- Lưu HSAV

Nguyễn Thị Hồng Nhật

